

PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2018 – 2019

(Kèm theo Quyết định số: 151 /QĐ-PTDTNT ngày 16 /8/2018 của Trường PTDTNT THCS&THPT Mai Châu)

TT	Họ và tên	Chuyên môn	Chức vụ, kiêm nhiệm	Giảng dạy	BD PD	Ghi chú
I CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ						
*	Giáo viên cơ hữu					
1.	Phạm Thị Huệ	Công nghệ	H. trưởng	Công nghệ 9A,B(2)		2t/tuần
2.	Hà Thị Dung	Tiếng Anh	P. HT	Tiếng Anh 9(4)		4t/tuần
3.	Nguyễn Thị Hà	Toán-Lí	CT CB (3)	Toán 8A,B(8); Vật lí 6A(1);		12t/tuần
4.	Hà Văn Giáp	Thể dục	TPT Đội			
5.	Hồ Suýt Khênh	Toán-Lí	GVCN 9A(4)	Toán 9A,B(8); Sinh 6A,B(4),		16t/tuần
6.	Bùi Thị Yên	Toán-Lí	GVCN 8B; TTr	Toán 6A,B(8); Vật lí 8A,B(2)		16t/tuần
7.	Hà Thị Minh	Toán-Lí	GVCN 7A	Toán 7A,B(8); Công nghệ 7A,B(3); Sinh 7B(2)		17t/tuần
8.	Phạm Thị Nguyệt	Văn –Sử	GVCN 9B (4)	Văn9A,B(10); Sử 6AB(2); GDCD 9B(1);		17t/tuần
9.	Phạm Hồng Thúy	Văn-TV	Tổ trưởng(3)	Văn 8A,B(8); GDCD 7A,B(2);		13t/tuần
10.	Trần Thị Trang	Văn-Địa	GVCN 6A	Văn 6A,B(8); Địa7A,B(4); GDCD 8A(1);		17t/tuần
11.	Bùi Thị Thu	Văn-TV	GVCN7B(4)	Văn 7A,B(8); GDCD 9A(1); Công nghệ 6A,B(4)		17t/tuần
12.	Phạm Tiến Dũng	Lí-CN	Tổ trưởng(3)	Vật lí 6A(1); Vật lý 7A,B (2) , Lí 9A,B(4); CN 8A,B(4);		17t/tuần
13.	Lê Thị Tuyết	Văn- Sử	BT Đoàn	Sử 7A,B(4), Sử 8A,B(2); Sử 9A,B(4)		16t/tuần
14.	Hà Thị Dung	Sinh-Hóa	Thư ký (2)	Sinh7A(2);Sinh 8A,B(4);Sinh 9A,B(4); Hóa 9A,B(4);		16t/tuần
15.	Trịnh Bính Thìn	Tiếng Anh	GVCN6B(4)	Anh 6A,B(6); Anh 8A,B(6); GDCD 8B(1)		17t/tuần
16.	Ngân Thị Hữu	Tiếng Anh	GVCN 11	Anh 7A, B(6) + Phụ trách nội trú; Lao động (7 tiết)		17t/tuần
17.	Hà Công Vĩnh	Mĩ thuật	PBT đoàn (6)	Họa 6,7,8,9(7); GDCD6A,B(2); TD6B(2),		17t/tuần
18.	Phạm Triều Đình	Thể dục	Thể thao (3)	Thể dục 6A; Thể dục Khối 7,8,9		17t/tuần
19.	Nguyễn Thị Anh	Hóa-Địa	GVCN 8A(4)	Địa 6A,B(2); Địa 8A,B(4); Địa 9A,B(2); Hóa 8A,B(4) Hướng nghiệp 9A,B (1);		17t/tuần
20.	Ngân Văn Toàn	Tin học		Tin học khối 6,7,8,9 (16)		16t/tuần
21.	Dương Việt Hồng	Sinh-Hóa		Nghỉ thai sản từ tháng 8/2018 đến hết tháng 01/2019		
*	Giáo viên hợp đồng, thỉnh giảng					
1.	Hà Văn Linh	Âm nhạc	Văn nghệ (3)	Nhạc 6,7,8 (6)		

II	CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG					
*	Giáo viên cơ hữu					
1.	Tạ Quang Sỹ	Toán	P. HT	Toán 11 (4+1)		5t/tuần
2.	Nguyễn Thị Hà	Toán	CT CD (3)	Toán 10 (3+1)		4t/tuần
3.	Phạm Hồng Thúy	Văn-TV	Tổ trưởng(3)	Văn 10 (3+1)		4t/tuần
4.	Phạm Tiến Dũng	CN	Tổ trưởng(3)	CN 10 (1,5); CN 11 (1,5)		3t/tuần
5.	Hà Văn Giáp	Thể dục	TPT Đội	TD10,11(4) ; GDQP-AN 10(1); GDQP-AN 11(1)		6t/tuần
6.	Lê Thị Tuyết	Sử	BT Đoàn	Sử 10(1,5)		1,5t/tuần
7.	Ngân Văn Toàn	Tin học	Giáo viên	Tin học 10 (2), Tin học 11 (1,5),		3,5t/tuần
8.	Hà Thị Thơm	Tiếng Anh	GVCN 10 (4)	Anh 10 (3+ 2) ; Anh 11 (3+2)		14t/tuần
9.	Hà Thị Dung	Hóa học	Thư ký (2)	Hóa 10 (2)		2t/tuần
10.	Ngân Thị Hữu	Tiếng Anh	GVCN 11	Quản trú		4t/tuần
*	Giáo viên hợp đồng, thỉnh giảng					
1.	Đoàn Thị Huyền	Ngữ văn	THPT MC	Ngữ văn 11 (4)		4t/tuần
2.	Nguyễn V. Trường	Vật lí	THPT MC	Vật lí 10,11 (4)		4t/tuần
3.	Trần T. Trúc Hằng	Sinh học	THPT MC	Sinh học 10 (1),11(2)		3t/tuần
4.	Bùi Thị Hà	Lịch sử	THPT MC	Lịch sử 11(1+1)		2t/tuần
5.	Phạm Văn Quang	Địa lí	THPT MC	Địa lí 10(2),11(1)		3t/tuần
6.	Ngân Thu Hương	GDCD	THPT MC	GDCD 10,11(2)		2t/tuần
7.	Hà Thị Tuyết	Hóa học	THPT MC	Hóa học 11(2)		2t/tuần